

Số: 89/2024/QĐST – HNGĐ

Quận 1, ngày 13 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 557/2023/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông **Dư Trín H**, sinh năm 1979

Địa chỉ: **4 T, phường C, Quận A, Tp ..**

- Bà **Âu Dương Thúy A**, sinh năm 1982

Địa chỉ: **4 T, phường C, Quận A, Tp ..**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét thấy, tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 3 năm 2024, các đương sự đã thực sự thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung và lệ phí giải quyết việc dân sự.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Dur Trín H** và bà **Âu Dương Thúy A** thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 152/2010, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2010).

- Về con chung: Ông **Dur Trín H** và bà **Âu Dương Thúy A** có 02 con chung là trẻ **Dur Bội D**, sinh ngày 30/7/2011 và trẻ **Dur Nhất K**, sinh ngày 27/2/2020. Sau khi ly hôn, ông **Dur Trín H** và bà **Âu Dương Thúy A** thống nhất giao 02 con chung cho bà **Âu Dương Thúy A** trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Âu Dương Thúy A**, không yêu cầu ông **Dur Trín H** cấp dưỡng hàng tháng nuôi 02 trẻ **Dur Bội D** và **Dur Nhất K**.

Ông **Dur Trín H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Các đương sự khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, ông **Dur Trín H** và bà **Âu Dương Thúy A** phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0045102 ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **Dur Trín H** và bà **Âu Dương Thúy A** đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- UBND phường Cô Giang, Quận 1 (để ghi vào sổ hộ tịch theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Quang Huynh**